

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST

Ngày 14 - 12 - 2020

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Quảng và bà Bùi Thị Kim Loan

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Bích Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 12 năm 2020, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 320/2020/TLST - HNGĐ ngày 07/10/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 13/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02/12/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm: 19xx; ĐKHKT tại: Tổ x, khu x, phường Y, thành phố L, tỉnh N; Chỗ ở: Tổ xx, khu xA, phường P1, thành phố P, tỉnh N - Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm: 19xx; ĐKHKT tại: Tổ xx, khu xxx, phường O, thành phố P, tỉnh N; Chỗ ở: Tổ xx, khu xA, phường P, thành phố P, tỉnh N - Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị T đều trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn M kết hôn từ năm 2017, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả, anh chị kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu khoảng 05 năm, sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống tại nhà riêng ở tổ xx, khu xA, phường P, thành phố P. Cuộc sống chung của anh chị chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, không bàn bạc được việc gì đi đến thống nhất. Anh M không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên tụ tập bạn bè chơi bời uống rượu đến mức say xỉn, không kìm chế được bản thân còn đánh chị nhiều lần, có lần đánh khiến chị phải vào viện để điều trị. Gia đình hai bên đã khuyên giải cho vợ chồng chị nhưng

anh M không thay đổi, tiếp tục sống không có trách nhiệm, đi làm có tiền cũng không đưa cho chị để lo cho vợ con, một mình chị phải gánh vác toàn bộ chi phí sinh hoạt trong gia đình khiến chị cảm thấy mệt mỏi. Mâu thuẫn của anh chị kéo dài, anh M đánh chị nhiều lần khiến chị thấy sợ hãi nên chị quyết định sống ly thân với anh M từ đầu năm 2020 đến nay, khi ly thân chị đi thuê nhà nơi khác để ở còn anh M và con vẫn ở tại nhà cũ. Khoảng tháng 9/2020 chị về thăm con còn bị anh M đánh khiến chị phải đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa khu vực Cẩm Phả (chị có giấy chứng nhận thương tích nộp tại Tòa án). Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã rất căng thẳng, trầm trọng, không thể khắc phục được nữa, chị không còn tình cảm dành cho anh M nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn M có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày xx/xx/20xx, vì con chung còn nhỏ lại là con gái nên cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ nên khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Được nuôi dưỡng con chung chị không yêu cầu anh M cấp dưỡng cho con, hiện nay chị bán hàng quần áo tại nhà, thu nhập bình quân khoảng 8.000.000 đồng/tháng nên đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Anh M được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Chị và anh M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Công nợ chung: Không có.

* Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn – anh Nguyễn Văn M nhiều lần nhưng anh M cố tình vắng mặt nên không lấy được lời khai của anh M, anh M không có quan điểm gì về quan hệ hôn nhân, về con chung cũng như tài sản và công nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả có ý kiến cho rằng Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Xác định đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị T, chị T được ly hôn với anh M. Chị T được nuôi dưỡng con chung, anh M không phải cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị T yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn M hiện cư trú tại địa bàn thành phố Cẩm Phả nên Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn - anh Nguyễn Văn M được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả đã tổng đạt hợp lệ cho anh

M nhưng anh M cố tình không tham gia tố tụng theo quy định và cũng không có người đại diện tham gia tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn M là hôn nhân hợp pháp, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2017, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường Cửa Ông, thành phố Cẩm Phả. Sau kết hôn anh chị về sống tại tổ xx, khu xA, phường P, thành phố P. Cuộc sống chung của anh chị chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T trình bày là do anh chị không hợp nhau, anh chị không bàn bạc được việc gì đi đến thống nhất, anh M là người không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu đến say xỉn và còn nhiều lần đánh chị T, có lần phải đi điều trị tại bệnh viện. Do sợ hãi vì bị đánh nên chị T quyết định sống ly thân với anh M từ đầu năm 2020, anh chị không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Bản thân anh M khi được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng cũng không đến để tham gia tố tụng, chứng tỏ anh M cũng không thiện chí hoặc trách nhiệm trong việc giải quyết mâu thuẫn, không có biện pháp tích cực để vợ chồng về đoàn tụ nên chị T xin ly hôn là hoàn toàn có căn cứ. Mâu thuẫn của chị T và anh M cũng phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú.

Căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh M.

* Về con chung: Chị T và anh M có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày xx/xx/20xx, khi ly hôn vì con chung còn nhỏ lại là con gái nên cần có sự quan tâm chăm sóc của chị T, chị T có quan điểm đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị T có việc làm và thu nhập ổn định, đảm bảo được việc nuôi dưỡng con chung cho đến tuổi thành niên. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh M cũng không có quan điểm gì về vấn đề nuôi dưỡng con chung. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử thấy cần thiết giao con chung là Nguyễn Ngọc Như Y cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi của con chung và cũng đảm bảo được các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển về thể chất, tinh thần, việc học tập, môi trường sống của con chung của anh chị.

Do chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng cho con nên anh M không phải cấp dưỡng cho con chung, anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

* Về tài sản chung: Chị T và anh M tự thỏa thuận chia nên không đề nghị Tòa án giải quyết; Công nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc Như Y, sinh ngày xx/xx/20xx cho chị Bùi Thị T có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng cho con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp ngày 05/10/2020 theo biên lai số: 00054xx tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho biết: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Cẩm Phả;
- Chi cục THADS thành phố Cẩm Phả;
- UBND phường O;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Quynh

